CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 06 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

2. Thông tư số 26/2021/TT-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022.

3. Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

4. Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến

lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

Căn cứ Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 22 tháng 11 năm 1994, Nghị định thư về việc sửa đổi Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Hiệp định);

Căn cứ Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về việc thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Nghị định thư);

Căn cứ Thỏa thuận giữa Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về xây dựng chế độ giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ký ngày 30 tháng 5 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.[1]

---

[1] Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có căn cứ ban hành như sau:

"*Thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 22 tháng 11 năm 1994, Nghị định thư về việc sửa đổi Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Hiệp định);*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Hiệp định và Nghị định thư về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải đường bộ giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc (sau đây gọi tắt là Việt - Trung).

Thực hiện Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về việc thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Nghị định thư);

Thực hiện Thỏa thuận giữa Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về xây dựng chế độ giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ký ngày 30 tháng 5 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa."

Thông tư số 26/2021/TT-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có căn cứ ban hành như sau:

"*Thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 22 tháng 11 năm 1994, Nghị định thư về việc sửa đổi Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Hiệp định);*

Thực hiện Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về việc thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11 tháng 10 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Nghị định thư);

Thực hiện Thỏa thuận giữa Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa về xây dựng chế độ giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ký ngày 30 tháng 5 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ giữa hai nước Việt - Trung.

Điều 3. Ký hiệu phân biệt quốc gia

1. Ký hiệu phân biệt quốc gia của Trung Quốc là CHN.

2. Ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam là VN[2] do cơ quan cấp phép phát hành khi cấp giấy phép vận tải. Phương tiện của Việt Nam phải gắn ký hiệu phân biệt quốc gia ở góc phía trên bên phải của kính trước (nhìn từ trong xe) và ở vị trí dễ thấy phía sau xe.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa."

Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.".

Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái có căn cứ ban hành như sau:

Chương II
PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ VẬN TẢI TẠI CỬA KHẨU

Điều 4. Phạm vi hoạt động của phương tiện

1. Đối với vận tải hành khách định kỳ (theo tuyến cố định): Phương tiện khởi hành từ bến xe đầu tuyến; đi theo hành trình, dừng nghỉ tại các trạm dừng nghỉ theo quy định và kết thúc tại bến xe cuối tuyến.

2. Đối với vận tải hàng hóa, vận tải hành khách không định kỳ (theo hợp đồng và vận tải khách du lịch): Không giới hạn địa điểm khởi hành tại Việt Nam. Phương tiện được hoạt động từ các tỉnh, thành phố của Việt Nam đi qua các cặp cửa khẩu đã được Chính phủ hai nước cho phép đến các điểm trong phạm vi quy định trên lãnh thổ của Trung Quốc. Phương tiện được dừng nghỉ tại các trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe, bến xe dọc hành trình do hai nước công bố.

"*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái."

Điều 5. Bến xe ô tô khách, bến xe ô tô hàng, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ của Việt Nam, mẫu danh sách hành khách phục vụ hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung[3]

1. Danh sách các bến xe ô tô khách quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

2. Danh sách các trạm dừng nghỉ quy định tại Phụ lục III của Thông tư này.

3. Danh sách các bến xe ô tô hàng, bãi đỗ xe quy định tại Phụ lục IVa của Thông tư này.

4.[4] Mẫu danh sách hành khách phục vụ cho vận tải hành khách định kỳ và vận tải hành khách không định kỳ được quy định tại Phụ lục IVb và Phụ lục IVc của Thông tư này.

Điều 6. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu

1. Cơ quan quản lý vận tải tại cửa khẩu là Trạm quản lý vận tải cửa khẩu thuộc Sở Giao thông vận tải các tỉnh giáp biên giới Việt - Trung có cửa khẩu, được bố trí nhân sự, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, vị trí làm việc tại cửa khẩu để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.

2. Trạm quản lý vận tải cửa khẩu có các nhiệm vụ như sau:

a)[5] *(được bãi bỏ)*

---

[2] Cụm từ "theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[3] Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

[5] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

b)[6] Kiểm soát phương tiện và xác nhận vào Giấy phép vận tải khi phương tiện Việt Nam và Trung Quốc xuất nhập cảnh tại cửa khẩu;

c) Thống kê số liệu, cập nhật và báo cáo về hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng khác tại cửa khẩu thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

Chương III
GIẤY PHÉP VẬN TẢI

Điều 7.[7] ***(được bãi bỏ)***

Điều 8.[8] ***(được bãi bỏ)***

Điều 9.[9] ***(được bãi bỏ)***

Điều 10.[10] ***(được bãi bỏ)***

---

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

[7] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

[8] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[9] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[10] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Điều 11.[11] ***(được bãi bỏ)***

Điều 12.[12] ***(được bãi bỏ)***

Điều 13.[13] ***(được bãi bỏ)***

Điều 14.[14] ***(được bãi bỏ)***

Điều 15.[15] ***(được bãi bỏ)***

Điều 16.[16] ***(được bãi bỏ)***

Điều 17.[17] ***(được bãi bỏ)***

---

[11] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[12] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[13] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[14] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[15] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[16] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[17] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam[18]

1. Tổ chức quản lý và hướng dẫn hoạt động đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

2. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra và xử lý phương tiện vận tải đường bộ và xe công vụ của Việt Nam và Trung Quốc hoạt động qua lại biên giới giữa hai nước.

3. In ấn và phát hành Biển ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam, giấy phép vận tải, mẫu giấy phép vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV của Thông tư này.

4. Trao đổi giấy phép E, F, G với phía Trung Quốc.

5. Xây dựng, triển khai và hướng dẫn thực hiện phần mềm quản lý hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung.

6.[19] *(được bãi bỏ)*

7. Định kỳ trao đổi thông tin với cơ quan quản lý có thẩm quyền của Trung Quốc về các phương tiện vận tải đường bộ và người lái xe kinh doanh vận tải hành khách và vận tải hàng hóa, các thông tin có liên quan đến các vụ vi phạm giao thông và gây tai nạn bỏ trốn.

8. Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hội nghị thường niên với phía Trung Quốc để trao đổi và giải quyết hoặc đề xuất giải quyết các vấn đề có liên quan đến vận tải đường bộ giữa hai nước theo quy định tại Điều 20 của Nghị định thư thực hiện Hiệp định.

---

[18] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

[19] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Các Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Phổ biến và triển khai thực hiện Thông tư này tới các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn;

b) Đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vận tải đường bộ Việt - Trung.

c) Chuẩn bị các điều kiện và tổ chức, quản lý hoạt động bến xe khách, trạm dừng nghỉ, kho và bãi đỗ xe vận tải hàng hóa để tổ chức hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung;

d) Tổ chức và quản lý hoạt động bán vé của các đại lý bán vé đi tuyến vận tải hành khách định kỳ trên địa bàn.

2. Sở Giao thông vận tải các tỉnh giáp biên giới Việt - Trung có cửa khẩu thực hiện Hiệp định:

a) Tổ chức và quản lý hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung trên các tuyến thuộc các tỉnh giáp biên giới;

b) Tiếp nhận, trao đổi các loại giấy phép A, B, C với phía Trung Quốc và cấp cho các đối tượng theo quy định;

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Trạm quản lý vận tải cửa khẩu (đối với cửa khẩu chưa có Trạm quản lý vận tải cửa khẩu);

d) Tổ chức và quản lý hoạt động của Trạm quản lý vận tải cửa khẩu.

Điều 20. Chế độ báo cáo[20]

1. Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam[21] về tình hình hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung của địa phương. Chi tiết báo cáo như sau:

---

[20] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

[21] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung theo mẫu đề cương quy định tại điểm g khoản này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống thư điện tử hoặc qua các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo Phụ lục XVII của Thông tư này.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải đường bộ Việt - Trung có trách nhiệm báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam[22], Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng về tình hình hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung của đơn vị. Chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả hoạt động vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ Việt - Trung;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Kết quả hoạt động vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ Việt - Trung theo mẫu đề cương quy định tại điểm g khoản này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống thư điện tử hoặc qua các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ 06 tháng;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 10 tháng 7 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng đầu năm và từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo đối với báo cáo định kỳ 06 tháng cuối năm;

[22] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

g) Mẫu đề cương báo cáo: Báo cáo kết quả hoạt động vận chuyển hành khách của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Phụ lục XV của Thông tư này; báo cáo kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa của doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định tại Phụ lục XVI của Thông tư này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành[23]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2012.

---

[23] Điều 2 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

2. Bãi bỏ điểm a khoản 2 Điều 6, Điều 7, điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 10, khoản 6 Điều 18 của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

3. Thay thế cụm từ "Sở Giao thông vận tải" tại khoản 1 Điều 6, khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 và khoản 1, 2 Điều 19 của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành cụm từ "Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng"

4. Đối với các Giấy phép vận tải đã được Trạm quản lý vận tải cửa khẩu cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục còn giá trị đến khi hết hiệu lực của Giấy phép vận tải."

Điều 2 của Thông tư số 26/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2022."

Điều 6 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 quy định như sau:

"Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục trưởng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 258/1998/TT-BGTVT ngày 18 tháng 8 năm 1998 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định thư của Bộ Giao thông vận tải Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải Trung Quốc thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; bãi bỏ Điều 1 của Thông tư số 24/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 258/1998/TT-BGTVT ngày 18 tháng 8 năm 1998 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định thư của Bộ Giao thông vận tải Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải Trung Quốc thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; Thông tư số 10/2006/TT-BGTVT ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành[24]

---

[24] Điều 3 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020 quy định như sau:

"***Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và Sở Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 3 của Thông tư số 26/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022 quy định như sau:

"Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng và Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 24 của Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023 quy định như sau:

"Điều 24. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

1. Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam[25] có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trong ngành giao thông vận tải chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi thực hiện các quy định của Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, tổ chức, cá nhân liên hệ với Cục Đường bộ Việt Nam[26] để được hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết, Cục Đường bộ Việt Nam[27] báo cáo Bộ Giao thông vận tải để chỉ đạo thực hiện.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 39/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2023

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ

---

[25] Cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

[26] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

[27] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023.

Phụ lục I[28] ***(được bãi bỏ)***

[28] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Phụ lục II

DANH SÁCH BẾN XE KHÁCH PHỤC VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT - TRUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Danh sách bến xe khách phục vụ phương tiện trên các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước:

TT	Tuyến	Bến xe
1	Cảng Phòng Thành (Quảng Tây) qua cặp cửa khẩu Đông Hưng/Móng Cái đến huyện Tiên Yên (Quảng Ninh)	Bến xe khách Tiên Yên
2	Thành phố Nam Ninh (Quảng Tây) qua cặp cửa khẩu Đông Hưng/Móng Cái đến thành phố Hạ Long	Bến xe khách Bãi Cháy
3	Thành phố Quế Lâm (Quảng Tây) qua cặp cửa khẩu Đông Hưng/Móng Cái đến thành phố Hạ Long	Bến xe khách Bãi Cháy
4	Thành phố Bắc Hải (Quảng Tây) qua cặp cửa khẩu Đông Hưng/Móng Cái đến thành phố Hạ Long	Bến xe khách Bãi Cháy
5	Thành phố Bằng Tường (Quảng Tây) qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị Quan/Hữu Nghị đến thành phố Lạng Sơn	Bến xe khách phía Bắc thành phố Lạng Sơn
6	Huyện Long Châu (Quảng Tây) qua cặp cửa khẩu Thủy Khẩu/Tà Lùng đến thị xã Cao Bằng	Bến xe khách Cao Bằng
7	Thành phố Sùng Tả (Quảng Tây) qua cặp cửa khẩu Thủy Khẩu/Tà Lùng đến thị xã Cao Bằng	Bến xe khách Cao Bằng
8	Thành phố Cá Cựu (Vân Nam) qua cặp cửa khẩu Hà Khẩu/Lào Cai đến hai huyện Bảo Yên, Văn Bàn (Lào Cai)	Bến xe khách Phố Ràng Bến xe khách Văn Bàn
9	Huyện Mông Tự (Vân Nam) qua cặp cửa khẩu Hà Khẩu/Lào Cai đến hai huyện Bảo Yên, Văn Bàn (Lào Cai)	Bến xe khách Phố Ràng Bến xe khách Văn Bàn

TT	Tuyến	Bến xe
10	Thành phố Cá Cựu (Vân Nam) qua cặp cửa khẩu Hà Khẩu/Lào Cai đến Sa Pa (Lào Cai).	Bến xe Sa Pa
11	Bách Sắc - Trình Tây đi qua cặp cửa khẩu Long Bang/ Trà Lĩnh đến thị xã Cao Bằng	Bến xe khách Cao Bằng

II. Danh sách Bến xe phục vụ phương tiện hoạt động trên các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước:

(1) Tuyến Côn Minh qua cặp cửa khẩu Hà Khẩu/Lào Cai đi Hà Nội - Hải Phòng và ngược lại: Bến xe khách Nước Mát, Bến xe Yên Nghĩa (Hà Nội); Bến xe Niệm Nghĩa (Hải Phòng).

(2) Tuyến Nam Ninh qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị Quan/Hữu Nghị đến Hà Nội và ngược lại: Bến xe Nước Ngầm.

(3) Tuyến Hà Nội qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị/Hữu Nghị Quan đến Thâm Quyến và ngược lại: Bến xe Nước Ngầm.

(4) Tuyến Hà Nội - Lạng Sơn qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị/Hữu Nghị Quan đi đến Quế Lâm và ngược lại: Bến xe Nước Ngầm.

(5) Tuyến Sùng Tả qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị Quan (Trung Quốc) và Hữu Nghị (Việt Nam) - Hà Nội - Hạ Long và ngược lại: Bến xe Nước Ngầm (Hà Nội), Bến xe khách Bãi Cháy (Hạ Long).

(6) Tuyến Tuyên Quang - Hà Giang qua cặp cửa khẩu Thanh Thủy/Thiên Bảo đi Châu Văn Sơn và ngược lại: Bến xe TP Tuyên Quang, Bến xe Sơn Dương (Tuyên Quang).

(7) Tuyến Tuyên Quang - Hà Giang qua cặp cửa khẩu Thanh Thủy/Thiên Bảo đến Châu Văn Sơn - Côn Minh và ngược lại: Bến xe TP Tuyên Quang, Bến xe Sơn Dương (Tuyên Quang).

(8) Tuyến Nam Ninh qua cặp cửa khẩu Đông Hưng/Móng Cái đến Hạ Long - Hải Phòng và ngược lại: Bến xe khách Bãi Cháy (Hạ Long), Bến xe khách Niệm Nghĩa (Hải Phòng).

(9) Tuyến Lai Châu qua cặp cửa khẩu Ma Lù Thàng/Kim Thủy Hà đến Mông Tự - Côn Minh và ngược lại: Bến xe tỉnh Lai Châu.

Phụ lục III

DANH SÁCH TRẠM DỪNG NGHỈ PHỤC VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT - TRUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1) Tuyến Côn Minh qua cặp cửa khẩu Hà Khẩu/Lào Cai đi Hà Nội - Hải Phòng và ngược lại

Chiều Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Chiều Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai
Trạm dừng Phố Ràng, Bảo Yên (Lào Cai)	Nhà hàng 559 Hưng Nguyên (Hải Dương)
Bến xe Nước Mát (Yên Bái)	Khách sạn Tre Xanh (Hưng Yên)
Trạm dừng Phù Ninh (Phú Thọ)	Bến xe Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc)
Bến xe Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc)	Trạm dừng Phù Ninh (Phú Thọ)
Khách sạn Á Đông (Hưng Yên)	Bến xe Nước Mát (Yên Bái)
Nhà hàng 559 Hưng Nguyên (Hải Dương)	Nhà hàng Phùng Thắm, Bảo Yên (Lào Cai)

(2) Tuyến Nam Ninh qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị Quan/Hữu Nghị đến Hà Nội và ngược lại

Chiều Hữu Nghị - Hà Nội	Chiều Hà Nội - Hữu Nghị
Bãi đỗ xe Cửa khẩu Hữu Nghị	Trạm dừng nghỉ Song Khê (Bắc Giang)
Bến xe phía Bắc Lạng Sơn	Bến xe phía Bắc Lạng Sơn
Trạm dừng nghỉ Song Khê (Bắc Giang)	Bãi đỗ xe Cửa khẩu Hữu Nghị

(3) Tuyến Hà Nội qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị/Hữu Nghị Quan đến Thâm Quyến và ngược lại

Chiều Hữu Nghị - Hà Nội	Chiều Hà Nội - Hữu Nghị
Bãi đỗ xe Cửa khẩu Hữu Nghị	Trạm dừng nghỉ Song Khê (Bắc Giang)
Bến xe phía Bắc Lạng Sơn	Bến xe phía Bắc Lạng Sơn
Trạm dừng nghỉ Song Khê (Bắc Giang)	Bãi đỗ xe Cửa khẩu Hữu Nghị

(4) Tuyến Hà Nội - Lạng Sơn qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị/Hữu Nghị Quan đi đến Quế Lâm và ngược lại

Chiều Hữu Nghị - Hà Nội	Chiều Hà Nội - Hữu Nghị
Bãi đỗ xe Cửa khẩu Hữu Nghị	Trạm dừng nghỉ Song Khê (Bắc Giang)
Bến xe phía Bắc Lạng Sơn	Bến xe phía Bắc Lạng Sơn
Trạm dừng nghỉ Song Khê (Bắc Giang)	Bãi đỗ xe Cửa khẩu Hữu Nghị

(5) Tuyến Sùng Tả qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị Quan (Trung Quốc) và Hữu Nghị (Việt Nam) - Hà Nội - Hạ Long và ngược lại

Chiều Hữu Nghị - Hà Nội - Hạ Long	Chiều Hạ Long - Hà Nội - Hữu Nghị
Bến xe phía Bắc Lạng Sơn	Trạm dừng nghỉ Thành Quân (Hải Dương)
Trạm dừng nghỉ Song Khê (Bắc Giang)	Trạm dừng nghỉ Song Khê (Bắc Giang)
Trạm dừng nghỉ Thành Quân (Hải Dương)	Bến xe phía Bắc Lạng Sơn

(6) Tuyến Tuyên Quang - Hà Giang qua cặp cửa khẩu Thanh Thủy/Thiên Bảo đi Châu Văn Sơn và ngược lại

Chiều Thanh Thủy - Tuyên Quang	Chiều Tuyên Quang - Thanh Thủy
Bến xe khách Bắc Quang (Hà Giang)	Bến xe khách Bắc Quang (Hà Giang)

(7) Tuyến Tuyên Quang - Hà Giang qua cặp cửa khẩu Thanh Thủy/Thiên Bảo đến Châu Văn Sơn - Côn Minh và ngược lại

Chiều Thanh Thủy - Tuyên Quang	Chiều Tuyên Quang - Thanh Thủy
Bến xe khách Bắc Quang (Hà Giang)	Bến xe khách Bắc Quang (Hà Giang)

(8) Tuyến Nam Ninh qua cặp cửa khẩu Đông Hưng/Móng Cái đến Hạ Long - Hải Phòng và ngược lại

Chiều Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng	Chiều Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái
Bến xe trung tâm thị xã Cẩm Phả (Công ty cổ phần Hồng Vân), Nhà hàng Minh Hoa (Quảng Ninh)	Nhà hàng Minh Hoa (Quảng Ninh), Bến xe trung tâm thị xã Cẩm Phả (Công ty cổ phần Hồng Vân)

(9) Tuyến Lai Châu qua cặp cửa khẩu Ma Lù Thàng/Kim Thủy Hà đến Mông Tự - Côn Minh và ngược lại

Do tuyến đường từ Lai Châu đến cửa khẩu ngắn (khoảng 50 km), đường núi nên chưa có trạm dừng nghỉ trên tuyến.

Phụ lục IVa[29]

DANH SÁCH BẾN XE HÀNG, BÃI ĐỖ XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. Danh sách bến xe hàng, bãi đỗ xe phục vụ phương tiện trên các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước

TT	Tuyến	Bến xe, bãi đỗ xe
1	Huyện Tiên Yên (Quảng Ninh) qua cặp cửa khẩu Móng Cái (Việt Nam) và cửa khẩu Đông Hưng (Trung Quốc) đến Cảng Phòng Thành (Quảng Tây) và ngược lại.	Bãi chuyển tải hàng hóa huyện Tiên Yên (Quảng Ninh)
2	Thành phố Lạng Sơn qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị (Việt Nam) và cửa khẩu Hữu Nghị Quan (Trung Quốc) đến thành phố Bằng Tường (Quảng Tây) và ngược lại.	Bến xe Đồng Đăng (Lạng Sơn)
3	Thành phố Cao Bằng qua cặp cửa khẩu Tà Lùng (Việt Nam) và cửa khẩu Thủy Khẩu (Trung Quốc) đến huyện Long Châu (Quảng Tây) và ngược lại.	Bến xe hàng quá cảnh phường Sông Bằng (Cao Bằng)
4	Hai huyện Bảo Yên, Văn Bàn (Lào Cai) qua cặp cửa khẩu Lào Cai (Việt Nam) và cửa khẩu Hà Khẩu (Trung Quốc) đến huyện Mông Tự (Vân Nam) và ngược lại.	- Bãi đỗ xe giao nhận hàng hóa tại Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành. - Bãi đỗ xe giao nhận hàng hóa tại Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải. - Bãi đỗ xe giao nhận hàng hóa tại Khu công nghiệp Đông Phố Mới. - Bãi đỗ xe giao nhận tại Khu công nghiệp Tằng Loỏng.

[29] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 26/2021/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022.

TT	Tuyến	Bến xe, bãi đỗ xe
5	Hai huyện Bảo Yên, Văn Bàn (Lào Cai) qua cặp cửa khẩu Lào Cai (Việt Nam) và cửa khẩu Hà Khẩu (Trung Quốc) đến thành phố Cá Cựu (Vân Nam) và ngược lại.	- Bãi đỗ xe giao nhận hàng hóa tại Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành. - Bãi đỗ xe giao nhận hàng hóa tại Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải. - Bãi đỗ xe giao nhận hàng hóa tại Khu công nghiệp Đông Phố Mới. - Bãi đỗ xe giao nhận tại Khu công nghiệp Tằng Loỏng.
6	Thị xã Sa Pa (Lào Cai) qua cặp cửa khẩu Lào Cai (Việt Nam) và cửa khẩu Hà Khẩu (Trung Quốc) đến thành phố Cá Cựu (Vân Nam) và ngược lại.	- Bãi đỗ xe giao nhận hàng hóa tại Nhà máy Luyện đồng Lào Cai. - Bãi đỗ xe xã Bản Vược, huyện Bát Xát.

II. Danh sách bến xe hàng, bãi đỗ xe phục vụ phương tiện trên các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước

(1) Tuyến Hải Phòng - Hà Nội qua cặp cửa khẩu Lào Cai/Hà Khẩu đến Côn Minh và ngược lại.

TT	Bến xe hàng, bãi đỗ xe	Tỉnh, thành phố
1	Bãi đỗ xe Đền Lừ	Hà Nội
2	Bãi đỗ xe Công ty CPVT ô tô số 1, Bãi đỗ xe Công ty cổ phần liên vận quốc tế Hoàng Anh Km1+100 đường 356.	Hải Phòng

2) Tuyến Hà Nội qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị/Hữu Nghị Quan đến Nam Ninh và ngược lại.

TT	Bến xe hàng, bãi đỗ xe	Tỉnh, thành phố
1	Bãi đỗ xe Đền Lừ	Hà Nội
2	Trung tâm Logistics-ICD Tiên Sơn	Bắc Ninh

(3) Tuyến Hà Nội qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị/Hữu Nghị Quan đến Thâm Quyến và ngược lại

TT	Bến xe hàng, bãi đỗ xe	Tỉnh, thành phố
1	Bãi đỗ xe Đền Lừ	Hà Nội
2	Trung tâm Logistics-ICD Tiên Sơn	Bắc Ninh

(4) Tuyến Hà Nội - Lạng Sơn qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị/Hữu Nghị Quan đến Quế Lâm và ngược lại

TT	Bến xe hàng, bãi đỗ xe	Tỉnh, thành phố
1	Bãi đỗ xe Đền Lừ	Hà Nội
2	Trung tâm Logistics-ICD Tiên Sơn	Bắc Ninh

(5) Tuyến Hạ Long - Hà Nội qua cặp cửa khẩu Hữu Nghị/Hữu Nghị Quan đến Sùng Tả và ngược lại

TT	Bến xe hàng, bãi đỗ xe	Tỉnh, thành phố
1	Bãi đỗ xe Đền Lừ	Hà Nội
2	Trung tâm Logistics-ICD Tiên Sơn	Bắc Ninh

(6) Tuyến Tuyên Quang - Hà Giang qua cặp cửa khẩu Thanh Thủy/Thiên Bảo đến Châu Văn Sơn và ngược lại

Bến xe hàng, bãi đỗ xe	Tỉnh, thành phố
Bến xe phía Nam Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang

(7) Tuyến Tuyên Quang - Hà Giang qua cặp cửa khẩu Thanh Thủy/Thiên Bảo đến Châu Văn Sơn - Côn Minh và ngược lại

Bến xe hàng, bãi đỗ xe	Tỉnh, thành phố
Bến xe phía Nam Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang

(8) Tuyến Hải Phòng - Hạ Long qua cặp cửa khẩu Móng Cái/Đông Hưng đến Nam Ninh và ngược lại.

Bến xe hàng, bãi đỗ xe	Tỉnh, thành phố
Bãi đỗ xe công ty CPVT ô tô số 1, Bãi đỗ xe Công ty cổ phần liên vận quốc tế Hoàng Anh Km1+100 đường 356	Hải Phòng

(9) Tuyến Lai Châu qua cặp cửa khẩu Ma Lù Thàng/Kim Thủy Hà đến Mông Tự - Côn Minh và ngược lại

Bến xe hàng, bãi đỗ xe	Tỉnh, thành phố
Bến xe tỉnh Lai Châu	Lai Châu

Phụ lục IVb[30]

MẪU DANH SÁCH HÀNH KHÁCH TUYẾN CỐ ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH *(PASSENGER LIST)*

(Sử dụng cho xe vận chuyển hành khách định kỳ tạm xuất-tái nhập)

(For temporary export and re-import vehicle on scheduled passenger transport)

Số (No.):

Số đăng ký phương *tiện* *(Registration No.):*.....

Tên Công ty *(Name of company):*.....

Địa chỉ *(Address):*.....

Số điện thoại *(Tel No.):*..... **Số *fax***/*Fax No:*.....

Tuyến vận từ *(from)*..... **đến** *(to)*..... **và ngược lại** *(and vice versa)*

Bến đi *(Departure terminal):*.....; **Bến đến** *(Arrival terminal):*.....

Giờ khởi hành từ bến đi *(Departure time):*..... , **ngày** *(date)..../..../20...*

1. Danh sách hành khách khởi hành từ bến xe *(Passenger departing from the terminal):*

Số TT (No.)	**Họ tên hành khách** (Passenger's full name)	**Số vé** (Ticket No.)	No.	**Họ tên hành khách** (Passenger's full name)	**Số vé** (Ticket No.)	No.	**Họ tên hành khách** (Passenger's full name)	**Số vé** (Ticket No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1			17			33		
2			18			34		
3			19			35		
4			20			36		
5			21			37		
6			22			38		

[30] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

Số TT (No.)	**Họ tên hành khách** (Passenger's full name)	**Số vé** (Ticket No.)	No.	**Họ tên hành khách** (Passenger's full name)	**Số vé** (Ticket No.)	No.	**Họ tên hành khách** (Passenger's full name)	**Số vé** (Ticket No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
7			23			39		
8			24			40		
9			25			41		
10			26			42		
11			27			43		
12			28			44		
13			29			45		
14			30			46		
15			31			47		
16			32			48		

Tổng cộng số hành khách khởi hành từ bến xe:... người *(Total passenger departing from the terminal) (persons)*

Xác nhận của Bến xe/Terminal *(Ký, đóng dấu/Signature and seal)* *Ngày (date)..../.../20...*

2. Danh sách hành khách mua vé dọc đường do lái xe khai báo (Other passengers declared by driver):

Số TT	**Họ tên hành khách** *(Passenger's full name)*	**Số vé** *(Ticket No.)*	(No.)	**Họ tên hành khách** *(Passenger's full name)*	**Số vé** *(Ticket No.)*	(No.)	**Họ tên hành khách** *(Passenger's full name)*	**Số vé** *(Ticket No.)*
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1			6			11		
2			7			12		
3			8			13		
4			9			14		
5			10			15		

Tổng cộng khách chặng:..... người *(Total of stage passenger)... (Persons)*

Lái xe ký tên xác nhận số lượng khách: *(Name of Driver and signature).....*

(Ghi chú: Danh sách này gồm 4 liên: Liên 1 (gốc) giao cơ quan Hải quan cửa khẩu; Liên 2 giao Chủ phương tiện; Liên 3 giao Bến xe; Liên 4 giao Biên phòng cửa khẩu)/(Note: List of passenger includes 04 copies; 01 copy for Customs; 01 copy for carrier; 01 copy for the terminal; 01 copy for borderguard officer)./.

Phụ lục IVc[31]

MẪU DANH SÁCH HÀNH KHÁCH HỢP ĐỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ GTVT)

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH *(PASSENGER LIST)*

(Sử dụng cho phương tiện vận chuyển hành khách không định kỳ tạm xuất - tái nhập)

(For temporary export and re-import vehicle on tourist and non-scheduledpassenger transport)

Số (No.):

Số đăng ký phương tiện *(Registration number):*.....

Tên người vận chuyển *(Carrier name):*.....

Địa chỉ *(Address):*.....

Số điện thoại *(Tel No.):*.....; **Số Fax**/*Fax No.:*.....

Phạm vi hoạt động của chuyến đi *(Route of itinerary):*.....

Thời hạn chuyến đi *(Duration of the journey):*..... ngày *(date)*.....

Từ ngày *(From date)*...../...../20..... **đến ngày** *(to date)*...../..... /20.....

Danh sách hành khách (Passenger list):

Số TT	**Họ tên hành khách** *(Passenger's full name)*	**Số vé** *(Ticket No.)*	*(No.)*	**Họ tên hành khách** *(Passenger's full name)*	**Số vé** *(Ticket No.)*	*(No.)*	**Họ tên hành khách** *(Passenger's full name)*	**Số vé** *(Ticket No.)*
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1			19			37		
2			20			38		
3			21			39		

[31] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 29/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2020.

Số TT	**Họ tên hành khách** *(Passenger's full name)*	**Số vé** *(Ticket No.)*	*(No.)*	**Họ tên hành khách** *(Passenger's full name)*	**Số vé** *(Ticket No.)*	*(No.)*	**Họ tên hành khách** *(Passenger's full name)*	**Số vé** *(Ticket No.)*
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
4			22			40		
5			23			41		
6			24			42		
7			25			43		
8			26			44		
9			27			45		
10			28			46		
11			29			47		
12			30			48		
13			31			49		
14			32			50		
15			33			51		
16			34			52		
17			35			53		
18			36			54		
Tổng cộng số hành khách:..... người *(Total passenger departing from the terminal) (persons)*					**Xác nhận của người vận tải/*Carrier*** *(Ký tên, đóng dấu/Signature and seal)* *Ngày (date)..../.../20...*			

(Ghi chú: Danh sách này gồm 3 liên: Liên 1 (gốc) giao cho cơ quan Hải quan cửa khẩu; Liên 2 giao cho Chủ phương tiện; Liên 3 giao cho Biên phòng cửa khẩu)/(Note: list of passenger includes 03 copies; 01 copy for customs; 01 copy for carrier; 01 copy for borderguard officer)

Phụ lục V[32] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục VI[33] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục VII[34] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục VIII[35] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục IX[36] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục X[37] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục XI[38] ***(được bãi bỏ)***

---

[32] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[33] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[34] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[35] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[36] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[37] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[38] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Phụ lục XII[39] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục XIII[40] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục XIVa[41] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục XIVb[42] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục XIVc[43] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục XIVd[44] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục XIVđ[45] ***(được bãi bỏ)***

---

[39] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[40] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022

[41] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[42] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[43] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[44] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[45] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Phụ lục XIVe[46] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục XIVg[47] ***(được bãi bỏ)***

[46] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

[47] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 05/2022/TT-BGTVT bãi bỏ một số quy định liên quan đến cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép của các Thông tư về vận tải đường bộ quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Phụ lục XV

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX: .....

Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG BỘ VIỆT TRUNG

(Thời gian từ..... đến.....)

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị:.....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:..... số Fax: .....
4. Địa chỉ Email .....
5. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách đường bộ Việt - Trung theo định kỳ:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Số tuyến tham gia khai thác	Tuyến		
2	Số phương tiện được cấp phép	xe		
3	Số chuyến xe thực hiện	Chuyến xe		
4	Sản lượng khách vận chuyển	HK		

6. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách theo hợp đồng hoặc bằng xe du lịch:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Số phương tiện được cấp phép	Xe		
2	Số chuyến xe thực hiện	Chuyến xe		
3	Sản lượng khách vận chuyển	HK		

7. Đề xuất, kiến nghị: .....
.....
.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XVI

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX: .....

Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA ĐƯỜNG BỘ VIỆT TRUNG

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị:.....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại:..... số Fax: .....

4. Địa chỉ Email .....

5. Kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ giữa hai nước Việt - Trung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Số phương tiện được cấp phép	Xe		
2	Số chuyến xe thực hiện	Chuyến xe		
3	Sản lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn		

6. Đề xuất, kiến nghị.....

.....

.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XVII

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT - TRUNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Sở GTVT.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

BÁO CÁO KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VIỆT - TRUNG NĂM.....

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam[48]

Sở GTVT..... báo cáo kết quả hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung trên địa bàn năm..... như sau:

1. Kết quả hoạt động vận chuyển hành khách đường bộ giữa hai nước Việt - Trung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng Việt Nam	Số lượng Trung Quốc
1	Tổng số Giấy phép vận tải quốc tế đã cấp	Giấy phép		
	Trong đó: - Loại A - Loại B - Loại F			

[48] Cụm từ "Tổng cục Đường bộ Việt Nam" được thay thế bằng cụm từ "Cục Đường bộ Việt Nam" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 06 năm 2023.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng Việt Nam	Số lượng Trung Quốc
2	Số chuyến xe qua lại cửa khẩu	Chuyến xe		
	Trong đó: - Xe vận tải hành khách định kỳ - Xe vận tải hành khách không định kỳ - Xe công vụ			
3	Sản lượng khách vận chuyển	Hành khách		

2. Kết quả hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ giữa hai nước Việt - Trung

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng Việt Nam	Số lượng Trung Quốc
1	Tổng số giấy phép đã cấp	Giấy phép		
2	Trong đó: - Loại C - Loại G			
3	Sản lượng hàng hóa vận chuyển	Tấn		

3. Đề xuất, kiến nghị.....

.....

.....

.....

.....

.....

Lãnh đạo Sở GTVT.....

(Ký tên, đóng dấu)